

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Số: 123 /BC - TĐTB - P5

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
VĂN PHÒNG CÔNG TY
QUÝ 4 - NĂM 2017**

Yên Bái, ngày tháng 01 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		422,797,944,586	424,076,406,630
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	14,157,586,322	24,229,101,167
111	1. Tiền		14,157,586,322	24,229,101,167
112	2. Các khoản tương đương tiền			
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	323,577,281,448	353,566,645,773
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		323,577,281,448	353,566,645,773
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		58,923,525,695	39,268,987,868
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		25,363,570,252	28,243,174,142
132	2. Trả trước cho người bán		357,446,329	278,666,109
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	5	33,373,081,194	10,997,719,697
139	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(170,572,080)	(250,572,080)
140	IV. Hàng tồn kho	6	4,397,682,691	5,056,329,439
141	1. Hàng tồn kho		4,397,682,691	5,056,329,439
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		21,741,868,430	1,955,342,383
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		619,952,064	1,310,404,515
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	7	21,121,916,366	644,937,868
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		466,168,701,373	455,717,002,327
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		7,606,945,482	-
212	2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	8	7,606,945,482	-
220	II. Tài sản cố định		377,246,079,667	421,707,350,408
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	359,789,606,837	403,814,044,458
222	- Nguyên giá		1,443,437,380,692	1,460,386,108,991
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1,083,647,773,855)	(1,056,572,064,533)
227	3. Tài sản cố định vô hình	10	17,456,472,830	17,893,305,950
228	- Nguyên giá		20,635,322,400	20,635,322,400
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3,178,849,570)	(2,742,016,450)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	2,925,645
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11		2,925,645
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		81,169,000,000	32,619,000,000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		81,169,000,000	32,619,000,000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		146,676,224	1,387,726,274
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		146,676,224	1,387,726,274
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		888,966,645,959	879,793,408,957

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		31,003,162,762	41,614,522,912
310	I. Nợ ngắn hạn		31,003,162,762	41,614,522,912
			-	-
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		5,723,371,681	9,036,050,757
312	2. Người mua trả tiền trước		2,581,179,379	841,977,800
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12		3,015,944,262
314	4. Phải trả người lao động		10,499,095,833	7,955,190,066
315	5. Chi phí phải trả	13	2,387,605,266	
316	6. Phải trả nội bộ	14	4,740,023,113	-
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	15	5,087,427,583	20,035,916,393
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		(15,540,093)	729,443,634
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		857,963,483,197	838,178,886,045
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	857,963,483,197	838,178,886,045
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		635,000,000,000	635,000,000,000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		635,000,000,000	635,000,000,000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		-	-
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
415	5. Cổ phiếu quỹ		-	-
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		-	-
419	9. Quỹ hỗ trợ xấp xếp doanh nghiệp		-	-
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		222,963,483,197	203,178,886,045
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		185,590,666,555	156,508,517,125
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		37,372,816,642	46,670,368,920
422	12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		888,966,645,959	879,793,408,957

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Khu 8, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính riêng Văn phòng Công ty

Quý 4 năm 2017

Người lập



Nguyễn Trung Hiếu

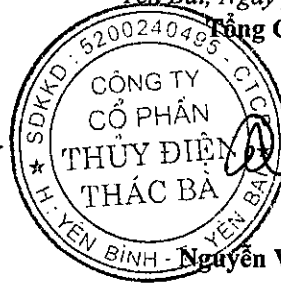
Kê Toán trưởng



Lê Hồng Minh

Yên Bái, Ngày 19 tháng 01 năm 2018

Phòng Giám đốc



Nguyễn Văn Quyền

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Khu 8, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính riêng Văn phòng Công ty
 Quý 4 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 4 năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 4 năm 2017		Quý 4 năm 2016		Lũy kế đến 31/12/2017		Lũy kế đến 31/12/2016	
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	88,604,026,033	18,805,152,717	331,048,966,523	241,080,375,864				
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu			-						
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		88,604,026,033	18,805,152,717	331,048,966,523	241,080,375,864				
11	4. Giá vốn hàng bán	19	34,161,502,477	22,207,905,416	118,841,114,507	99,346,305,118				
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		54,442,523,556	(3,402,752,699)	212,207,852,016	141,734,070,746				
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	6,087,114,948	6,628,940,265	25,069,168,647	23,111,244,168				
22	7. Chi phí tài chính	21			37,916,667					
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>				37,916,667					
25	8. Chi phí bán hàng									
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		17,736,788,832	10,140,533,088	38,323,190,787	29,048,362,977				
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		42,792,849,672	(6,914,345,522)	198,915,913,209	135,796,951,937				
31	11. Thu nhập khác	22	4,091,181,953		4,440,672,860	1,968,567,030				
32	12. Chi phí khác	23	227,388,112		279,428,815	61,238,220				
40	13. Lợi nhuận khác		3,863,793,841	-	4,161,244,045	1,907,328,810				
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		46,656,643,513	(6,914,345,522)	203,077,157,254	137,704,280,747				

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Khu 8, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính riêng Văn phòng Công ty
Quý 4 năm 2017

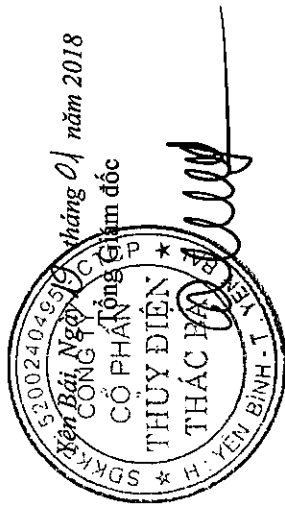
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	9.283.826.871	(1.382.616.659)	40.273.256.489	27.533.795.440
52	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				
60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>37.372.816.642</u>	<u>(5.531.728.863)</u>	<u>162.803.900.765</u>	<u>110.170.485.307</u>
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu				
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu				

Người lập

Nguyễn Trung Hiếu

Kế Toán trưởng

Lê Hồng Minh



Nguyễn Văn Quyền

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Khu 8, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính riêng Văn phòng Công ty
 Quý 4 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Quý 4 năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2017 VND	31/12/2016 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		203,077,157,254	137,704,280,747
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		43,957,092,677	43,258,069,506
03	- Các khoản dự phòng		(80,000,000)	(174,212,500)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(25,069,168,647)	(23,111,244,168)
06	- Chi phí lãi vay		37,916,667	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		221,922,997,951	157,676,893,585
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(13,286,699,025)	10,220,375,981
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		658,646,748	172,538,816
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(24,158,196,628)	(3,726,049,822)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1,241,050,050	(241,806,096)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(37,916,667)	-
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(43,963,075,530)	(31,248,294,189)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		178,660,370	726,177,916
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3,744,983,727)	(7,373,056,382)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		138,810,483,542	126,206,779,809
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(2,454,990,588)	(19,805,836,364)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		4,426,581,818	2,075,000,000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(323,736,828,648)	(350,940,211,543)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của		353,726,192,973	287,098,158,327
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(50,050,000,000)	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1,500,000,000	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		26,060,621,838	20,719,520,132
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		9,471,577,393	(60,853,369,448)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		5,000,000,000	-
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(5,000,000,000)	-
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(158,353,575,780)	(94,907,172,370)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(158,353,575,780)	(94,907,172,370)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(10,071,514,845)	(29,553,762,009)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		24,229,101,167	53,782,863,176

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Khu 8, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái

Tel: (84-0216) 3 884 116

Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính riêng Văn phòng Công ty

Quý 4 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

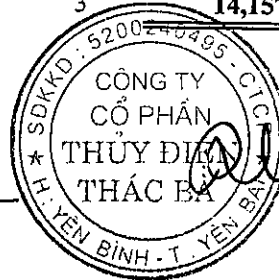
Quý 4 năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2017 VND	31/12/2016 VND
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>14,157,586,322</u>	<u>24,229,101,167</u>

AS

LM



NTQ

Nguyễn Trung Hiếu
Người lập

Lê Hồng Minh
Kế Toán Trưởng

Nguyễn Văn Quyền
Tổng Giám đốc

Yên Bái, Ngày 19 tháng 01 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2017

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5200240495 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 31 tháng 03 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 28 tháng 03 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty tại: Khu 8, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 635.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 635,000,000,000 đồng; tương đương 63,500,000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10,000 đồng.

1.2 . Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của công ty là năng lượng điện

1.3 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất và kinh doanh điện năng;
- Quản lý, vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng, đại tu, cải tạo các công trình thủy công, công trình kiến trúc, các thiết bị của nhà máy thủy điện và trạm biến áp, thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị điện;
- Mua bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị;
- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp các công trình điện;
- Đầu tư các công trình nguồn và lưới điện;
- Bồi dưỡng, đào tạo về quản lý, vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện;
- Kinh doanh dịch vụ vận tải và du lịch.

1.4 . Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của công ty là 12 tháng bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

1.5 . Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà đã thực hiện tổ chức bộ máy kế toán cho Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà - Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật và thực hiện cấp vốn kinh doanh cho đơn vị trực thuộc để thực hiện kinh doanh hoạt động dịch vụ kỹ thuật.

1.6 . Cấu trúc doanh nghiệp

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà - Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật
- Địa chỉ: Thị trấn Thác Bà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty đang áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính .

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là hình thức Nhật ký chung

2.3 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.4 . Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a Chứng khoán kinh doanh

b Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các Tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, thương phiếu và các loại chứng khoán nợ khác. Nếu kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là tài sản ngắn hạn. Trường hợp kỳ hạn còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là tài sản dài hạn.

c Các khoản cho vay

d Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

đ Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

e Các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính

2.5 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.6 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.7 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến tài sản cố định thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 20 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	09 - 15 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Tài sản cố định khác	05 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất	50 năm

2.8 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

2.9 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10 . Nợ phải trả

2.11 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

2.12 . Chi phí đi vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

2.13 . Chi phí phải trả

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được ghi nhận theo Chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo Công văn chấp nhận số 12227/BTC-CĐKT ngày 03/9/2015 của Bộ Tài chính. Các khoản chi phí sửa chữa lớn phát sinh trong năm được ghi nhận toàn bộ vào chi phí sản xuất kinh doanh đồng thời ghi nhận tăng chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang và chi phí phải trả. Các khoản chi phí sửa chữa lớn đã ghi nhận vào chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang và chi phí phải trả sẽ được tất toán khi các công trình sửa chữa lớn hoàn thành và được phê duyệt quyết toán.

2.14 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.15 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.16 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Khu 8, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính riêng Văn phòng Công ty

Quý 4 năm 2017

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán điện năm 2017 được xác định căn cứ theo Hợp đồng mua bán điện số 06/2012/HĐ-NMĐTĐB ngày 28 tháng 6 năm 2012 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 03 ngày 14/01/2015 và bổ sung số 04 ngày 03/09/2015 ký giữa Công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.17 . Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.18 . Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế năm.

2.19 . Các bên liên quan

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Khu 8, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính riêng Văn phòng Công ty
 Quý 4 năm 2017

Các doanh nghiệp, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	18,608,944	391,233,039
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	14,138,977,378	23,837,868,128
Các khoản tương đương tiền		
	<u>14,157,586,322</u>	<u>24,229,101,167</u>
	-	-

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a Chứng khoán kinh doanh****b Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn****b1 Ngắn hạn**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	323,577,281,448	323,577,281,448	353,566,645,773	353,566,645,773
- Trái phiếu	-	-	-	-
- Các khoản đầu tư khác	-	-	-	-
	323,577,281,448	323,577,281,448	353,566,645,773	353,566,645,773

c Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	-	-
- Trái phiếu	-	-	-	-
- Các khoản đầu tư khác (**)	32,669,000,000	32,669,000,000	32,619,000,000	32,619,000,000
	32,669,000,000	32,669,000,000	32,619,000,000	32,619,000,000

(**) Góp vốn vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng, số cổ phần Công ty đang nắm giữ tại thời điểm 31/12/2017 là 3.000.000 cổ phần tương đương 0,6% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng, và Công ty Cổ phần Thủy điện Thái An, số cổ phần Công ty đang nắm giữ tại thời điểm 31/12/2017 là 200.000 cổ phần tương đương 5% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy điện Thái An.

5 PHẢI THU KHÁC**a Ngắn hạn**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu từ thanh lý các khoản đầu tư	-	-	-	-
Phải thu về lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay	6,252,175,255	-	8,314,811,398	-
Phải thu người lao động	8,490,000	-	789,168,251	-
Ký quỹ, ký cược	773,691,427	-	439,200,000	-
Phải thu khác	26,338,724,512	-	1,454,540,048	-
	<u>33,373,081,194</u>	-	<u>10,997,719,697</u>	-

b Dài hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Khu 8, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính riêng Văn phòng Công ty

Quý 4 năm 2017

6 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	-	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	4,118,293,085	-	4,734,865,572	-
Công cụ, dụng cụ	279,389,606	-	321,463,867	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-	-	-
	4,397,682,691		5,056,329,439	

7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân	1,096,710,567	644,937,868
Thuế Giá trị gia tăng	9,739,389,783	-
Thuế tài nguyên	9,687,174,232	-
Thuế Thu nhập Doanh nghiệp	598,641,784	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-
	21,121,916,366	644,937,868

8 . VỐN KINH DOANH Ở ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
	7,606,945,482	-
	7,606,945,482	-

9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Khu 8, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái

Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính riêng Văn phòng Công ty
Quý 4 năm 2017

9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2017	649,871,632,649	787,493,923,770	17,724,176,684	5,178,921,343	117,454,545	1,460,386,108,991
Mua sắm	-	34,360,000	1,446,782,883	144,590,909	-	1,625,733,792
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	798,653,196	-	163,503,600	-	962,156,796
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(127,996,200)	(6,527,415,571)	(2,216,549,723)	(144,000,000)	-	(9,015,961,494)
Giảm khác	-	(9,453,168,334)	(1,067,489,059)	-	-	(10,520,657,393)
Tại ngày 31/12/2017	649,743,636,449	772,346,353,061	15,886,920,785	5,343,015,852	117,454,545	1,443,437,380,692
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2017	431,684,299,334	604,541,659,974	15,387,760,569	4,903,433,471	54,911,185	1,056,572,064,533
Trích khấu hao	21,599,030,520	21,271,372,574	562,528,069	71,355,098	11,745,456	43,516,031,717
Tăng khác	774,094,339	-	-	-	-	774,094,339
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(127,996,200)	(6,527,415,571)	(2,195,188,371)	(25,520,000)	-	(8,876,120,142)
Giảm khác	(769,866,499)	(6,740,406,945)	(828,023,148)	-	-	(8,338,296,592)
Tại ngày 31/12/2017	453,159,561,494	612,545,210,032	12,927,077,119	4,949,268,569	66,656,641	1,083,647,773,855
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2017	218,187,333,315	182,952,263,796	2,336,416,115	275,487,872	62,543,360	403,814,044,458
Tại ngày 31/12/2017	196,584,074,955	159,801,143,029	2,959,843,666	393,747,283	50,797,904	359,789,606,837

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Khu 8, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính riêng Văn phòng Công ty

Quý 4 năm 2017

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2017	20,558,322,400	77,000,000	20,635,322,400
Mua sắm	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Tại ngày 31/12/2017	20,558,322,400	77,000,000	20,635,322,400
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2017	2,693,662,280	48,354,170	2,742,016,450
Trích khấu hao	411,166,452	25,666,668	436,833,120
Tăng khác	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Tại ngày 31/12/2017	3,104,828,732	74,020,838	3,178,849,570
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2017	17,864,660,120	28,645,830	17,893,305,950
Tại ngày 31/12/2017	17,453,493,668	2,979,162	17,456,472,830

11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi tiết số dư cuối năm bao gồm:

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Xây dựng cơ bản dở dang	-	-
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	2,925,645
Khác	-	2,925,645
	-	2,925,645

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2017 VND	Số phải nộp VND	Số đã thực nộp VND	31/12/2017 VND
Thuế Giá trị gia tăng	19,797,754	30,370,280,328	40,129,468,065	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	2,236,283,159	39,418,362,191	43,963,075,530	
Thuế Tài nguyên	759,863,349	39,510,966,956	49,958,044,537	
Thuế Thu nhập cá nhân	(644,937,868)	1,995,982,498	2,447,755,197	
Các loại thuế khác	-	3,000,000	3,000,000	-
	2,371,006,394	111,298,591,973	136,501,343,329	-

13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

a Ngắn hạn	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Hỗ trợ XD trường TH&THCS Cẩm Nhân-Yên Bình, Yên Bái	1,000,000,000	-
Phí dịch vụ kiểm toán lần 2 BCTC năm 2017	105,000,000	-
Cung cấp và lắp đặt thử nghiệm máy cắt 110KV	698,766,630	-
Khác	583,838,636	-
	2,387,605,266	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Khu 8, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính riêng Văn phòng Công ty
Quý 4 năm 2017

14 PHẢI TRẢ NỘI BỘ

a	Ngắn hạn	30/06/2017	01/01/2017
		VND	VND
		4,740,023,113	-
		<u>4,740,023,113</u>	<u>-</u>

15 . PHẢI TRẢ KHÁC

a	Ngắn hạn	31/12/2017	01/01/2017
		VND	VND
	Kinh phí công đoàn, BHYT, BHTN, BHXH		178,849,026
	Phải trả cổ tức cho cổ đông	151,962,690	19,224,963,690
	Phải trả, phải nộp khác	4,935,464,893	632,103,677
		<u>5,087,427,583</u>	<u>20,035,916,393</u>

b Dài hạn

c Số nợ quá hạn chưa thanh toán

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Khu 8, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính riêng Văn phòng Công ty
 Quý 4 năm 2017

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2017	635,000,000,000	-	-	-	203,178,886,045	838,178,886,045
Tại ngày 01/01/2017	635,000,000,000	-	-	-	203,178,886,045	838,178,886,045
Tăng vốn	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	162,803,900,765	162,803,900,765
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-
Tặng khác (*)	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn	-	-	-	-	-	-
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	(3,000,000,000)	(3,000,000,000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(139,700,000,000)	(139,700,000,000)
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	(267,024,000)	(267,024,000)
Điều chỉnh khác (*)	-	-	-	-	(52,279,613)	(52,279,613)
Tại ngày 31/12/2017	635,000,000,000	-	-	-	222,963,483,197	857,963,483,197

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Khu 8, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính riêng Văn phòng Công ty

Quý 4 năm 2017

b) Các quỹ công ty	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
	<u>-</u>	<u>-</u>
17 . Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán		
Ngoại tệ các loại	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	362.91	393.53
- Đồng Đô la Singapore (SGD)		4,840.00
18 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		Lũy kế đến
	<u>Quý 4 năm 2017</u>	<u>31/12/2017</u>
	VND	VND
Doanh thu bán điện thương phẩm	88,522,562,395	330,789,684,703
Doanh thu cung cấp dịch vụ	<u>81,463,638</u>	<u>259,281,820</u>
	<u>88,604,026,033</u>	<u>331,048,966,523</u>
	-	-
19 GIÁ VỐN HÀNG BÁN		Lũy kế đến
	<u>Quý 4 năm 2017</u>	<u>31/12/2017</u>
	VND	VND
Giá vốn của điện thương phẩm đã bán	33,997,961,249	118,635,868,732
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	163,541,228	205,245,775
Dự phòng/ hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
	<u>34,161,502,477</u>	<u>118,841,114,507</u>
	-	-
20 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		Lũy kế đến
	<u>Quý 4 năm 2017</u>	<u>31/12/2017</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	6,087,114,948	25,069,168,647
	<u>6,087,114,948</u>	<u>25,069,168,647</u>
	-	-
21 CHI PHÍ TÀI CHÍNH		Lũy kế đến
	<u>Quý 4 năm 2017</u>	<u>31/12/2017</u>
	VND	VND
	-	37,916,667
22 . THU NHẬP KHÁC		Lũy kế đến
	<u>Quý 4 năm 2017</u>	<u>31/12/2017</u>
	VND	VND
	<u>4,091,181,953</u>	<u>4,440,672,860</u>
23 . CHI PHÍ KHÁC		Lũy kế đến
	<u>Quý 4 năm 2017</u>	<u>31/12/2017</u>
	VND	VND
	<u>227,388,112</u>	<u>279,428,815</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Khu 8, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái

Tel: (84-0216) 3 884 116

Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính riêng Văn phòng Công ty

Quý 4 năm 2017

24 . CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Quý 4 năm 2017	Lũy kế đến 31/12/2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1,453,586,696	2,869,096,912
Chi phí nhân công	12,088,792,916	35,378,014,019
Chi phí khấu hao	11,016,158,132	43,950,274,493
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4,310,681,232	6,986,926,037
Chi phí khác	23,029,072,333	67,979,993,833
	<u>51,898,291,309</u>	<u>157,164,305,294</u>

25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Quý 4 năm 2017	Lũy kế đến 31/12/2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	760,491,577	1,491,905,504
Chi phí nhân công	4,974,505,144	13,717,220,642
Chi phí khấu hao tài sản cố định	574,890,190	2,219,915,946
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4,222,010,540	6,390,845,739
Chi phí khác bằng tiền	7,204,891,381	14,503,302,956
	<u>17,736,788,832</u>	<u>38,323,190,787</u>

26 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Quý 4 năm 2017	Lũy kế đến 31/12/2017
	VND	VND
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	9,283,826,871	40,273,256,489
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>9,283,826,871</u>	<u>40,273,256,489</u>

27 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Do đặc thù của Công ty là hoạt động sản xuất kinh doanh điện chiếm trên 90% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, Công ty không thực hiện lập và trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

28 . NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán quý:

	Mối quan hệ	31/12/2017	01/01/2017
		VND	VND
Phải thu ủy thác quản lý vốn			
Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực	Trực thuộc Tập đoàn EVN	-	57,831,203,044
Phải thu tiền bán hàng			
Công ty mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Trực thuộc Tập đoàn EVN	43,928,102,708	23,225,031,157
Phải trả khác			
Cổ tức đợt 1 năm 2016 (10% VDL)			
- Tổng Công Ty Phát Điện 3	Cổ đông lớn	-	19,050,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Khu 8, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính riêng Văn phòng Công ty

Quý 4 năm 2017

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Phải trả người bán			
Tổng công ty thiết bị điện Đông Anh	Trực thuộc Tập đoàn EVN	-	4,122,600,000

29 . THÔNG TIN KHÁC

Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế Quý 4 năm 2017 với Quý 4 năm 2016

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp Quý 4 năm 2016 đạt -5.531.728.863 đồng

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp Quý 4 năm 2017 đạt 37.372.816.642 đồng

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp Quý 4 năm 2017 tăng 42.904.545.505 so với lợi nhuận sau thuế Quý 4 năm 2016 là do sản lượng điện thương phẩm trong Quý 4 năm 2017 tăng 112.042.705 kwh so với sản lượng điện thương phẩm trong Quý 4 năm 2016 dẫn đến doanh thu, lợi nhuận tăng so với cùng kỳ năm trước và doanh thu, chi phí, lợi nhuận sau thuế hoạt động dịch vụ kỹ thuật của Chi nhánh Công ty Cổ phần thủy điện Thác Bà - Trung tâm dịch vụ kỹ thuật không phản ánh trên báo cáo riêng của công ty so với cùng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Khu 8, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái

Tel: (84-0216) 3 884 116

Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính riêng Văn phòng Công ty

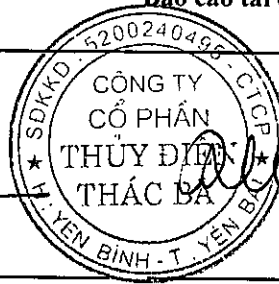
Quý 4 năm 2017



Nguyễn Trung Hiếu
Người lập



Lê Hồng Minh
Kế Toán trưởng



Nguyễn Văn Quyền
Tổng Giám đốc

Yên Bái, Ngày 19 tháng 01 năm 2018